

Bản án số: **128/2022/HNGĐ-ST**
Ngày: 26 - 9 - 2022..
V/v Tranh chấp xin ly hôn
và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đoạt
2. Bà Phạm Hồng Gái

Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Thanh Sang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Thuộc trường hợp, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang không tham gia.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 264/2022/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2022 về việc tranh chấp xin ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 147/2022/QĐST- HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 85/2022/QĐST- HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Hồng Thu T, sinh năm: 1996 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố 4, phường Đ, thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Anh Trịnh Thanh T, sinh năm: 1992 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp K, xã S, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Hồng Thu T trình bày:

Vào tháng 8/2020, chị và anh Trịnh Thanh T quen biết, yêu thương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố H, tỉnh Kiên Giang theo số 34 ngày 12/8/2020. Quá trình sinh sống, vợ chồng có một con chung tên Trịnh Nguyễn Thiên A, sinh ngày 10/10/2021, con chung đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó chị phát hiện anh T có mối quan hệ nam nữ trái quy định luật hôn nhân và gia đình. Đồng thời, anh T không lo làm ăn kinh tế nên vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên ngăn nhưng anh T không thay đổi và vợ chồng không thể hàn gắn được. Nay chị thấy không còn tình cảm với anh Trịnh Thanh T nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Chị yêu cầu xin được ly hôn với anh Trịnh Thanh T.
- Về con chung: Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Trịnh Nguyễn Thiên A, sinh ngày 10/10/2021 và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.
- Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Anh Trịnh Thanh T có ý kiến:

Tòa án đã thực hiện thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng (như: thông báo thụ lý, thông báo thời gian mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử vụ án) cho bị đơn anh Trịnh Thanh T, nhưng bị đơn anh Trịnh Thanh T không có mặt, không có văn bản trình bày ý kiến theo yêu cầu của Tòa án và vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn Hồng Thu T có ý kiến giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn và nuôi con chung với bị đơn anh Trịnh Thanh T.

Bị đơn anh Trịnh Thanh T vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thực hiện thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng (như: thông báo thụ lý, thông báo thời gian mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử vụ án) trực tiếp cho bị đơn anh Trịnh Thanh T nhưng bị đơn anh Trịnh Thanh T vắng mặt, không có lý do nên căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng bị đơn anh Trịnh Thanh T.

[2]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Hồng Thu T thì quan hệ pháp luật được xác định là: “*Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn anh Trịnh Thanh T có địa chỉ cư trú tại xã S, huyện H, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang.

[3]. Về nội dung vụ án: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Hồng Thu T đã tuân thủ đúng các điều kiện kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố H cấp chứng nhận kết hôn số 34 ngày 12/8/2020 nên căn cứ quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Hồng Thu T và anh Trịnh Thanh T là hợp pháp.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Nguyễn Hồng Thu T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn và nuôi con chung với anh Trịnh Thanh T. Chị T xác định, chị không còn tình cảm với anh Trịnh Thanh T, giữa vợ chồng không yêu thương, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và anh chị đã ly thân hơn năm nay. Cho nên, chị thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được.

Trong khi đó, anh Trịnh Thanh T mặc dù đã được Tòa án trực tiếp thông báo về yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Hồng Thu T; thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử. Tuy nhiên, anh Trịnh Thanh T không có mặt, không ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Hồng

Thu T. Điều này cho thấy, anh T không quan tâm và không mong muốn hòa giải về quan hệ hôn nhân với chị Nguyễn Hồng Thu T nên vợ chồng không có khả năng đoàn tụ. Cho nên, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Hồng Thu T là có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[4]. Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Hồng Thu T và anh Trịnh Thanh T có một con chung tên Trịnh Nguyễn Thiên A, sinh ngày 10/10/2021. Chị T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trịnh Nguyễn Thiên An cho đến khi trưởng thành. Tại phiên tòa chị T xác định chị đang làm và thu nhập của chị hơn 5.000.000 đồng/tháng nên đủ để nuôi con; đồng thời, hiện cháu An đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, hiện cháu A dưới 36 tháng tuổi và từ lúc sinh cháu cho đến nay chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chị T đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nên để đảm bảo cho sự phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ và không ảnh hưởng đến cuộc sống của cháu nên căn cứ khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, có cơ sở để Hội đồng xét xử xét giao cháu An cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi con chung là phù hợp.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, chị T không yêu cầu anh Trịnh Thanh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của đương sự, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

[6]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Hồng Thu T, anh Trịnh Thanh T không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Hồng Thu T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, 227, 228, 235, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Hồng Thu T được ly hôn với anh Trịnh Thanh T.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung tên Trịnh Nguyễn Thiên A, sinh ngày 10/10/2021 cho chị Nguyễn Hồng Thu T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Hồng Thu T không yêu cầu anh Trịnh Thanh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Trịnh Thanh T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản anh thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Hồng Thu T và anh Trịnh Thanh T không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Hồng Thu T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí mà chị Nguyễn Hồng Thu T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008004 ngày 06 tháng 06 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Chị Nguyễn Hồng Thu T được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, riêng anh Trịnh Thanh T vắng mặt nên được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm là 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7,

Điều 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện H;
- Cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Tú Quỳnh